TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-04-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Thủy.
2. Ông Phạm Ngọc Chánh .

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** ông Hà Năng Hiển– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1982 (có mặt)
Địa chỉ: ấp l, xã Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn TH, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn TH tìm hiểu một thời gian và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003 và đến ngày 14/3/2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/12/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 31/10/2008. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian sau này giữa bà T và ông TH thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau không còn hạnh phúc nữa, bà T và ông Th đã sống ly thân từ đầu

năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân bà T trực tiếp nuôi con. Nay vợ chồng không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th; Về con chung: bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/12/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 31/10/2008; Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết; Về tài sản: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo thụ lý vụ án và làm các thủ tục tố tụng (như tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa...) theo quy định của pháp luật cho ông Thành nhưng ông Thành không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Thắm và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Mối quan hệ vợ chồng giữa ông Thành và bà Thắm có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà T và ông Th đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà Th yêu cầu được nuôi 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/12/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 31/10/2008. Xét, từ khi bà T và ông Th ly thân, bà thắm là người trực tiếp nuôi hai con chung đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu T và cháu M có mong muốn được sống với mẹ. Do đó, yêu cầu nuôi con của bà T là có căn cứ chấp nhận tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. *Về nội dung vụ án:*

[1] Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Văn Th tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2005 tại xã Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân đúng pháp luật. Mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Th phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Th có nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà T và ông Th đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Th mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Th.

[2] Về con chung: bà Trịnh Thị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/12/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 31/10/2008 là có cơ sở. Vì cháu T và cháu M đang sống với bà T, nguyện vọng của các cháu mong muốn được sống với mẹ nên giao cháu T và cháu M cho bà T nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Diễm M.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Nhận định của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: bà Trịnh Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/12/2004, giới tính: nam và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 31/10/2008, giới tính: nữ (Hiện cháu T và cháu M đang sống với bà T).

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của các con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005889 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà Trịnh Thị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (ông Nguyễn Văn Thành) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨTHẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Cẩm Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thủy **Phạm Ngọc Chánh** **Huỳnh Thị Cẩm Nhung**